

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 112/2019/DS-ST
Ngày: 26/11/2019
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Thanh Giảng**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Lê Văn Tám**.

2/ Ông **Đoàn Văn Phôi**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Cảnh** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy: Bà **Phạm Trà My** - kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2019/TLST-DS ngày 31/7/2019 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2019/QĐXXST-DS ngày 17/10/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 96/2019/QĐST-DS ngày 05/11/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thu Thanh N, sinh 1987.(Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, Tiền Giang.

- Bị đơn: Ông Lê Hoàng N1, sinh 1978.(Vắng mặt)

Bà Phạm Thị Kim H, sinh 1979.(Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp D, xã E, thị xã F, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Ngô Thu Thanh N trình bày:

Bà N và ông Lê Hoàng N1, bà Phạm Thị Kim H là chỗ quen biết với nhau, ông N1 và bà H có nhu cầu cần tiền nên ngày 11/4/2019 có vay của bà số tiền 30.000.000 đồng, việc vay mượn có làm biên nhận do bà H đại diện ký tên, khi giao nhận tiền thì có bà H và ông N1 cùng nhận và hứa trong hạn 03 tháng sẽ hoàn trả lại cho bà. Khi đến hạn, bà H và ông N1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay bà yêu cầu Tòa án buộc ông N1 và bà H trả số tiền đã vay là 30.000.000 đồng. Trả làm 01 lần khi án có hiệu lực.

* Đối với bị đơn ông Lê Hoàng N1 và bà Phạm Thị Kim H, từ sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có thông báo thụ lý, triệu tập hợp lệ để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, làm bản tự khai, tham gia hòa giải nhưng ông N1, bà H đều vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Tòa án không thu thập được chứng cứ, không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Đến phiên tòa xét xử lần thứ hai ông N1, bà H vẫn vắng mặt.

* Tài liệu, chứng cứ thu thập được: Nguyên đơn cung cấp: Bản tự khai, biên nhận vay nợ, CMND và Sổ hộ khẩu bản sao; Bị đơn: Không có cung cấp; Tòa án thu thập: Biên bản xác minh nơi cư trú ông N1, bà H và tình trạng hôn nhân.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 30.000.000 đồng. Trả làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật; Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết :

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả nợ đã vay là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, bị đơn có nơi cư trú tại thị xã Cai Lậy nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Đối với bị đơn ông Lê Hoàng N1 và bà Phạm Thị Kim H, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông N1, bà H vẫn vắng mặt không rõ lý do, bà N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông N1, bà H, bà N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

Về nội dung:

Xét yêu cầu của các đương sự :

Bị đơn không có yêu cầu phản tố nên không xét.

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông Lê Hoàng N1 và bà Phạm Thị Kim H trả số tiền đã vay là 30.000.000 đồng. Trả làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào lời trình bày và chứng cứ (giấy vay nợ) mà phía nguyên đơn cung cấp thì việc cho vay giữa bà Ngô Thu Thanh N với bà Phạm Thị Thanh Hoa có làm biên nhận, số tiền vay là 30.000.000.000 đồng, lãi suất không xác định rõ bao nhiêu %/tháng, thời hạn vay là 03 tháng. Như vậy có cơ sở xác định bà H có vay của bà N số tiền 30.0000.00 đồng. Đồng thời bà N cũng khởi kiện đối với ông N1 là chồng bà H cùng trả số tiền trên, do bà H và ông N1 là vợ chồng và đây là số nợ trong thời kỳ hôn nhân nên yêu cầu này có cơ sở. Đối với ông N1, bà H đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ, biết được nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không gửi bản tự khai nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện và cũng không đến Tòa án theo giấy triệu tập cho thấy ông N1, bà H có thái độ xem thường pháp luật và chứng tỏ yêu cầu khởi kiện của bà N là đúng sự thật. Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông N1 và bà H phải hoàn trả số tiền trên cho bà N. Về thời hạn thanh toán: Bà N yêu cầu trả làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên chấp nhận.

- Về án phí: Bà Phạm Thị Kim H và ông Lê Hoàng N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến phân tích và đề nghị của đại diện viện kiểm sát phù hợp nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: - Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự ;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội;

- Điều 26 của Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc ông Lê Hoàng N1 và bà Phạm Thị Kim H trả cho bà Ngô Thu Thanh N số tiền 30.000.000 đồng. Thời hạn thanh toán tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án gửi cơ quan thi hành án dân sự mà ông N1, bà H không thanh toán hoặc chậm thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng ông N1, bà H còn phải trả cho bà N khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Hoàng N1 và bà Phạm Thị Kim H phải chịu số tiền 1.500.000 đồng; Hoàn lại cho bà N số tiền 750.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000058 ngày 30/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy.

4. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh TG;
- VKSND TX CL;
- Chi cục THADS TX CL;
- Các đương sự;
- Lưu .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thanh Giảng